##### Tuần 24 : Từ 23/2 - 27/2/2021

Toán: **LUYỆN TẬP / 120**

# I.Mục tiêu:

-Có kỹ năng thực hiện phép chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số.( trường hợp thương có chữ số 0).

-Vận dụng phép chia để làm tính và giải toán.

-GD cho HS có thói quen làm toán đúng,chính xác.

**II.Đồ dùng dạy học:**- Bảng con, SGK, vở, bút chì, bảng bút giấy braille...

**III.Hoạt động dạy học :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Kiểm tra bài cũ:** -Đặt tính rồi tính: 1516 : 3 , 3224 : 8  -GV nhận xét - tuyên dương  **2.Dạy bài mới:**  **a.Giới thiệu bài, kết hợp ngôn ngữ kí hiệu:**GT và ghi bảng "Luyện tập"  **b.Hướng dẫn thực hành:**  **Bài 1**:Đặt tính rồi tính(**Bảng con).**  - Bài yêu cầu gì ?  - Nhận xét chữa bài trên bảng.  \*Nhấn mạnh: *Từ lần chia thứ hai nếu số bị chia bé hơn số chia thì phải viết 0 ở thương rồi mới thực hiện tiếp.*  **Bài 2:**Tìm x**:(hoạt động nhóm:N2)**  -Bài yêu cầu gì ?  -Muốn tìm thừa số chưa biết ta làm như thế nào?  -Cùng HS nhận xeta và tuyên dương..  **Bài 3:**Một cửa hàng có 2024 kg gạo,cửa hàng đã bán 1 / 4 số gạo đó.Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki- lô- gam gạo? **( Vở )**  - Bài toán cho biết gì ?  - Bài toán hỏi gì ?  - Nhận xét tóm tắt.  - Hướng dẫn học sinh giải.  - Giáo viên thu 1 số vở chấm điểm  - Nhận xét bài trên bảng .  **3.Củng cố - Dặn dò:**  -Nhận xét tiết học.  *Bài sau :* ***Luyện tập chung*** | -2 HS lên bảng làm –Cả lớp làm bảng con  - 2em đọc đề bài.  -1 HS đọc yêu cầu của bài.  -Đặt tính rồi tính  -1 số HS lên bảng làm.  -1 HS nêu yêu cầu của bài.  -Tìm X  -Ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.  -Các nhóm thảo luận.  -HS đai diện các nhóm trình bày.  +1em đọc đề bài.  -Có 2024 kg gạo đã bán ¼ số gạo đó.  -Cửa hàng còn lại ...kg gạo ? |

**Tuần 25. ( Từ 1/3- 5/3/2021)**

**TOÁN: LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu:**

- Củng cố cho HS biết giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị.

**II. Chuẩn bị:**

- Bảng, phấn

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **1.Ổn định lớp:**  **-** Hát: lớp chúng mình  **2. Luyện tập**  **Bài 1**   * Gọi HS đọc đề bài. * Cho HS làm bài và chữa bài.   - GV nhận xét  **Bài 2**   * Gọi HS đọc đề bài * Gv tóm tắt bài toán   7 hộp: 175 túi chè  5 hộp: … túi chè  - GV phân tích đề , hướng dẫn cách giải.  - Nhận xét, chữa bài.  **3.Củng cố, dặn dò:**   * Nhận xét tiết học * Dặn học sinh về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài sau | - Hát đồng thanh    **-** 1 HS đọc đề bài. 1 HS lên bảng.Cả lớp làm vào vở.  Bài giải  1 can đó có số lít dầu là:  48 : 8 = 6( l )  3 can có số lít dầu là:  6 x 3 = 18 ( l )  Đáp số: 18 l.   * 1 HS đọc đề bài. * 1 HS lên bảng. Cả lớp làm vào vở.   Bài giải  1 hộp có số túi chè là:  175 : 7 = 25( túi chè)  5 hộp có số túi chè là;  25 x 5 = 125 ( túi chè)  Đáp số: 125 túi chè. |

##### Tuần 26. ( Từ 8/3 - 12/3/ 2021)

##### Toán: LUYỆN TẬP / 132

# I. Mục tiêu:

- Biết cách sử dụng tiền Việt Nam với các mệnh giá đã học.

- Biết cộng, trừ trên các số với đơn vị là đồng. Biết giải các bài toán có liên quan đến tiền tệ. Làm bài 1, 2(a,b), 4.

- Giáo dục học sinh rèn luyện tính chính xác.

**II. Đồ dùng dạy học:**Các tờ giấy bạc:2000 đồng,5000đồng,1000đồng, sách chữ nổi, bảng bút giấy braille.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A) Kiểm tra bài cũ:**  - Phải lấy mấy tờ giấy bạc 5000 đồng; 2000 đồng; 1000 đồng để có để có 8000 đồng ?  -Giáo viên nhận xét.  **B)Dạy bài mới:**  1.Giới thiệu bài, kết hợp ngôn ngữ kí hiệu: GT và ghi bảng  "Luyện tập"  **2.Hướng dẫn HS thực hành:**  **Bài 1:**Chiếc ví nào có nhiều tiền nhất: **(Miệng)**  +Số tiền trong mỗi túi là bao nhiêu ?  +So sánh về số tiền trong các túi ?  +Chiếc ví nào có nhiều tiền nhất ?  **Bài 2:** Phải lấy ra số bạc nào để được số tiền bên phải: **(Nhóm : N2)**.  -Chọn ra những tờ giấy bạc trong khung bên trái để cộng.  - Nhận xét chữa bài.  -Cùng HS nhận xét tuyên dương.  **Bài 4:**Mẹ mua một hộp sữa hết 6700 đồng và một gói kẹo hết 2300 đồng. Mẹ đưa cô bán hàng 10000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại bao nhiêu tiền ? **(Vở)**  -Bài toán cho biết gì ?  -Bài toán hỏi gì ?  -Nhận xét tóm tắt  –Nhận xét bài trên bảng.  **4.Củng cố - Dặn dò.**  - Nhận xét tiết học.  \* Bài sau**: Làm quen với thống kê số liệu*.*** | -2em lên trả lời.  -2em đọc đề bài.  ***\**HSY và KT: thực hiện bài 1,2**  + 1 HS nêu yêu cầu của bài.  - HS nêu kết quả  - Chiếc ví C có nhiều tiền nhất.  + 1 HS nêu yêu cầu của bài.  - Các nhóm thảo luận.  -Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  + 1 HS đọc đề bài  -1HS lên bảng tóm tắt, lớp tóm tắt vào vở nháp.  - HS lên bảng,lớp giải vào vở.  *Bài giải*  Mẹ mua hết số tiền là:  6700 + 2300 = 9000 (đồng)  Số tiền phải trả lại là:  10 000 – 9000 = 1000 đồng  *Đáp số:* *1000* đồng. |

**Tuần 27 ( Từ 15/3 - 19/3/2021)**

**Toán: LUYỆN TẬP**

**I.Mục tiêu:**

**-**Củng cố về nhận biết và sử dụng các loại giấy bạc đã học

-Rèn kĩ năng thực hiện các phép tính cộng trừ các số có đơn vị đồng

-Biết giải toán có liên quan đến tiền tệ

**II. Đồ dùng dạy học**

-HS : vở bài tập toán

-Các loại giấy bạc loại 2 000, 5 000, 10 000 đồng, sách chữ nổi, bảng bút giấy braille.

**III.Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1.Giới thiệu bài**  -Ghi đề bài  **2.Hướng dẫn HS làm bài tập, kết hợp ngôn ngữ kí hiệu**  **\*Bài 1** :  -Bài tập yêu cầu ta làm gì ?  +Muốn biết chiếc ví nào có nhiều tiền nhất, trước hết, ta phải làm gì ?  -Yêu cầu HS tìm xem mỗi chiếc ví có bao nhiêu tiền ?  a. Ví a : 8500 đồng b. Ví b : 4700 đồng  c. Ví c : 6400 đồng d. Ví d : 6000 đồng  -Chốt lại : Đánh dấu x vào ô trống dưới ví a là đúng nhất  -GV chữa bài -Nhận xét  **\*Bài 3** :  -Yêu cầu HS xem tranh  +Tranh vẽ những đồ vật nào ?  +Giá của từng đồ vật là bao nhiêu ?  +Gọi 1 HS đọc các câu hỏi , Gv hỏi :  +Em hiểu thế nào là mua vừa đủ tiền ?  +Bạn Lan đã có bao nhiêu tiền ?  +Vậy Lan có vừa đủ tiền để mua cái gì ?  +Tương tự, GV nêu câu hỏi b,c  -Nhận xét  **\*Bài 4:**  Gọi 1-2 HS đọc đề  -Yêu cầu HS tự tóm tắt  +Em giải bài toán theo mấy bước ?  -**Bước 1**: Tìm số tiền mẹ đưa cho cô bán hàng ? (5000 + 2000 = 7000 )  -**Bước 2**: Tìm số tiền cô bán hàng trả lại cho mẹ  (7000 – 5600 = 1400 )  **3.Củng cố, dặn dò :**  -Nhận xét tiết học  -Dặn dò HS | -Nghe  -Mở vở bài tập toán trang 45 + 46  -Đánh dấu X vào ô trống trước chiếc ví có nhiều tiền nhất  -Tìm xem mỗi ví có bao nhiêu tiền  -HS tìm bằng cách cộng nhẩm và trả lời    -Quan sát tranh, trả lời câu hỏi  -Đọc câu hỏi  -Mua hết tiền, không thừa, không thiếu  -3000 đồng  -Mua 1 cục tẩy  -HS trả lời  -Đọc đề  -Tóm tắt và nêu 2 bước giải  -1 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở  -Nhận xét, sửa bài |

`

Tuần 28 ( Từ 22/3 - 26/3/2021)

**Toán: LÀM QUEN VỚI THỐNG KÊ SỐ LIỆU / 134**

# I. Mục tiêu:

- Bước đàu làm quen với dãy số liệu .

- Biết xử lí số liệu và lập dãy số liệu (ở mức độ đơn giản).

- GD cho HS tính cẩn thận và tính chính xác khi làm toán.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Một bức tranh vẽ hình minh hoạ bài học hoặc sử dụng bức tranh trong SGK.

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | |
| **A) Kiểm tra bài cũ:**  - Phải lấy ra mấy tờ 1000 đồng ; 2000 đồng; 5000 đồng để được 10 000 đồng  - Giáo viên nhận xét .  **B) Dạy bài mới:**  **1.Giới thiệu bài, kết hợp ngôn ngữ kí hiệu:**GT và ghi bảng "Làm quen với dãy số liệu /134"  **2.Làm quen với dãy số liệu:**  **a)Quan sát để hình thành dãy số liệu**:  -Cho HS quan sát bức tranh ở trong SGK  +Bức tranh này nói về điều gì ?  -Gọi 1 HS đọc tên và số đo chiều cao của từng bạn – 1 HS khác ghi lại các số đo: 122 cm; 130 cm; 127 cm; 118 cm.  - GV giới thiệu: “Các số đo chiều cao trên là *dãy số liệu*”.  **b)Làm quen với thứ tự và số số hạng của dãy*:***  +Số 122 cm là số thứ mấy trong dãy ?  - Tương tự đối với các số còn lại.  +Dãy số liệu trên có mấy số ?  -Gọi 1 HS lên bảng ghi tên của 4 bạn theo thứ tự chiều cao trên để được danh sách: Anh, Phong, Ngân, Minh.  -Gọi vài HS đọc .  **3.Thực hành:**  **Bài 1:**Bốn bạn Dũng, Hà, Hùng, Quân có chiều cao theo thứ tự là  a)Hùng cao bao nhiêu xăng- ti- mét ?  Dũng cao bao nhiêu xăng-ti- mét  Hà cao bao nhiêu xăng-ti- mét?  Quân cao bao nhiêu xăng-ti-mét  b)Dũng cao hơn Hùng bao nhiêu xăng – ti – mét ?  Hà thấp hơn Quân bao nhiêu xăng – ti – mét ?  Hùng và Hà, ai cao hơn ?Dũng và Quân, ai thấp hơn?  -Bài hỏi gì?  - Hỏi thêm:  + Hãy viết số đo chiều cao của 4 bạn theo thứ tự từ cao ®Õn thấp.  -Nhận xét và tuyên dương.  **Bài 3: (vở)**  **-**GV HD HS làm quen với số liệu có mô hình.  Hãy viết dãy số ki-lô-gam của 5 bao gạo  a)theo thứ tự từ bé đến lớn.  b)Theo thứ tự từ lớn đến bé.  ***-***Nhận xét  **4. Củng cố - Dặn dò:**  - Giáo viên nêu nhận xét tiết học.  **\*Bài sau: Làm quen vơí thống kê số liệu** ( Tiếp theo). | -2 HS nêu miệng.  -2em đọc đề bài.  - HS quan sát tranh (SGK)  - HS suy nghĩ  - Là số thứ nhất  - ... có 4 số .  -1em lên bảng ghi.  -1 số HS nhìn vào danh sách và dãy số liệu trên để đọc chiều cao của từng bạn.  -Trả lời câu hỏi.  - Các nhóm thảo luận.  -Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  \*Hùng cao : 125cm.  Dũng cao : 129cm.  Hà cao : 132cm.  Quân cao : 135cm  Dũng cao hơn Hùng :4cm  Hà thấp hơn Quân : 3cm  Hùng Hà,thì Hà cao hơn.  Dũng và Quân,thì Dũng thấp hơn.  **\***Quân : 135cm , Hà : 132cm , Dũng : 129cm , Hùng : 125cm .  +HS đọc bảng số liệu.  +1em đọc yêu cầu.  -1HS làm bảng ,lớp làm vở.  a/Từ bé đến lớn : 35kg, 40kg, 45kg, 50kg, 60kg.  b/Từ lớn đến bé : 60kg, 50kg, 45kg, 40kg, 35kg |

Tuần 28 ( Từ 22/3 - 26/3/2021)

**Toán : LUYỆN TẬP**

**I.Mục tiêu**

-Rèn kĩ năng đọc và phân tích , xử lí số liệu của một dãy số và bảng số liệu

**II. Đồ dùng dạy học:**

-HS : vở bài tập toán

-GV : Các bảng số liệu trong bài viết sẵn trên bảng phụ, sách chữ nổi, bảng bút giấy braille.

**III.Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Giới thiệu bài**  -Ghi đề bài  **2.Hướng dẫn HS làm bài tập**  **\*Bài 1**  **-**Gọi 1 HS đọc yêu cầu của đề  -Yêu cầu HS tự làm bài  -Gv lần lượt nêu từng câu hỏi cho HS trả lời  Nhận xét, chữa bài  **\*Bài2**  **+**Bài yêu cầu chúng ta làm gì ?  +Các số liệu đã cho có nội dung gì ?  -Yêu cầu HS quan sát bảng số liệu và hỏi :  +Bơi có 2 giải I, 3 giải II ta điền vào cột nào ? dòng nào ?  -Tương tự, GV nêu các số liệu khác, HD học sinh làm bài  -Chữa bài, nhận xét  **\*Bài 3:**  -Gọi 1 HS đọc đề , hỏi :  +Lớp 3 A có tất cả bao nhiêu HS ?  +Trong đó có bao nhiêu HS nam ?  +Muốn biết lớp 3A có bao nhiêu HS nữ, em làm thế nào ?  +Vậy em điền số mấy vào ô trống ?  -Hỏi thêm :  +Trong 3 lớp 3A, 3B, 3C, lớp nào có số nữ nhiều nhất ?  +Lớp nào có số nam ít nhất ?  +Tống số HS cả lớp là bao nhiêu ?  **3.Củng cố, dặn dò**  -Nhận xét tiết học  -Dặn dò HS | -Nghe  -Đọc lại đề  -Mở vở bài tập toán trang 49  -Làm bài  -5 HS nêu kết quả bài làm  -Đổi chéo vở để kiểm tra kết quả  -Viết số thích hợp vào ô trống  -Bơi : 2 giải I, 3 giải II  -Đá cầu : 1 giải II, 2 giải III  -HS nêu  -Nhận xét  -HS tiếp tục làm bài  -Đổi chéo vở, kiểm tra kết quả  -Đọc đề  -Có 40 học sinh  -17 học sinh nam  Lấy tổng số học sinh trừ đi số nữ  40 – 17 = 23 (học sinh)  -Điền số 23 vào ô trống  -Trả lời  -Nhận xét, bổ sung |

**Tuần 29( Từ 29/3 - 2/4/2021)**

**Toán: LUYỆN TẬP / 138**

# *I.Mục tiêu: Giúp học sinh*

-Biết đọc, phân tích và xử lý số liệu của một dãy và bảng số liệu đơn giản. Làm bài 1, 2,3 /138.

- GD cho HS tính cẩn thận và tính chính xác.

**II.Đồ dùng dạy học:**- 1 bảng phụ kẻ bảng số liệu trong bài 1, sách chữ nổi, bảng bút giấy braille.

**III.Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A)Kiểm tra bài cũ:**  - Học sinh làm bài tập 2.  - Giáo viên nhận xét , tuyên dương.  **B)Dạy bài mới:**  **1.Giới thiệu bài kết hợp ngôn ngữ kí hiệu:**  **2.Hướng dẫn HS thực hành:**  **Bài 1:**Thực hành lập bảng số liệu  Số thóc gia đình chị Út thu hoạch được trong 3 năm như sau:  Năm 2001: 4200kg; Năm 2002: 3500kg;  Năm 2003: 5400kg  +Hãy điền số liệu thích hợp vào ô trống trong bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2001 | 2002 | 2003 | | Số thóc |  |  |  |   - Giáo viên treo bảng phụ và hỏi  - Bảng trên nói về điều gì ?  -Ô trống ở cột thứ hai ta phải điền gì ?  -Năm 2001 gia đình chị Út thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc ?  -Trong ba năm đó, năm nào thu hoạch được nhiều thóc nhất ?  -Năm 2001 thu hoạch được ít hơn năm 2003 bao ki-lô-gam thóc ?  -GV nhận xét.  **Bài 2: (nhóm : N3).**Dựa vào bảng trên trả lời các câu hỏi dưới đây:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | 2000 | 2001 | 2002 | 2003 | | thông | 1875  cây | 2167  cây | 1980  cây | 2540  cây | | bạch đàn | 1745  cây | 2040  cây | 2165  cây | 2515  cây |   a)Năm2002 trồng nhiều hơn năm 2000 bao nhiêu cây bạch đàn ?  b)Năm 2003 trồng được tất cả bao nhiêu cây thông và cây bạch đàn ?  - Nhận xét , tuyên dương.  **Bài 3:**Thực hành xử lý số liệu của một bảng.  Nhìn vào dãy số khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:  90; 80; 70; 60; 50; 40; 30; 20; 10.  a)dãy trên có tất cả là:  A.9số; B.18số; C.10số; D.81số.  b)Số thứ tự trong dãy số: A.4 ; B.0 ; C.60 ; D. 40  - Nhận xét.  **4.Củng cố - Dặn dò.**  - Nhận xét tiết học. | - Học sinh nêu miệng  - Học sinh khác theo dõi.  **\*HSY và KT: thực hiện bài 1,2**  +1em đọc yêu cầu.  \* HS quan sát bảng  -Số thóc gia đình chị Út thu hoạch trong 3 năm 2001, 2002, 2003.  - Số thóc thu hoạch năm 2001.  - 4200 kg  -Cả lớp làm vào SGK  -HS lên bảng điền số liệu ở cột thứ 2, 3.  + 1 HS đọc yêu cầu của bài.  -Các nhóm thảo luận.  -Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  a)Số cây bạch đàn năm 2002 nhiều hơn năm 2000 là:  2165 – 1745 = 420 (cây)  b)Số cây thông và cây bạch đàn năm 2003 trồng tất cả là :  2540 + 2515 = 5055 (cây)  + 1 Học sinh đọc yêu cầu.  - Học sinh tự làm phần b vào vở - 1 Học sinh lên bảng làm.  + 1 Học sinh đọc yêu cầu bài  -1em làm bảng,lớp làm vở. |

Tuần 30 ( Từ 5/4 - 9/4/2021)

**TOÁN: LUYỆN TẬP**

**A. Mục tiêu:**

- Củng cố cho HS biết so sánh các số trong phạm vi 100000.

**B. Đồ dung dạy học:**

- Vở bài tập.

- Sách chữ nổi, bảng bút giấy braille

**C. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Ổn định lớp** 2. **Luyện tập**   **Bài 1**   * Gọi HS đọc đề bài. * Gọi 2 HS lên bảng. Cả lớp làm vào vở. * Nhận xét, chữa bài.   **Bài 2**   * Gọi HS đọc đề bài. * Cho HS thảo luận nhóm đôi * Gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả. * Nhận xét, chốt lời giải đúng.   **Bài 3**   * Gọi HS đọc đề bài. * Gọi 1 HS lên bảng. Cả lớp làm vào vở. * Nhận xét, chữa bài.   **Bài 4**  - Gọi HS đọc đề bài.  - Yêu cầu cả lớp làm vào vở.  - Chữa bài.  **3. Củng cố , dặn dò:**  - Nhận xét giờ học. | * 1 HS đọc đề bài.   89200 < 98200 60000 > 59099 + 1  10895 > 10598 20000+80000=100000  33454 > 32454 50000 x 2 > 90000  - 1 HS đọc đề bài.  a. Khoanh vào số lớn nhất: 69170.  b. khoanh vào số bé nhất : 12420.  1 HS lên bảng.  Các số theo thứ tự từ lớn đến bé là: 81400; 52234; 35213; 20369; 18569.  1 HS đọc đề bài.  Biểu thức có giái trị bé nhất là:  B. 8000 x 2 : 4 |

**Tuần 31 ( Từ 12/4- 17/4/2021)**

**TOÁN: LUYỆN TẬP**

**I. Mục tiêu:**

-Củng cố cho HS biết quy tắc tính diện tích hình chữ nhật khi biết hai cạnh của nó.

- GD cho HS tính cẩn thận.

**II.Đồ dùng dạy học:** bảng con, bảng phụ, bảng bút giấy braille, sách chữ nổi.

**III.Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Ổn định lớp** 2. **Luyện tập**   **Bài 1**   * Gọi HS đọc đề bài.   ? Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta làm thế nào?  ? Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta làm thế nào?   * Gọi 2 HS lên bảng. Cả lớp làm vào vở. * Nhận xét, chữa bài.   **Bài 2**   * Gọi HS đọc đề bài. * GV tóm tắt bài toán.   Chiều dài : 15 cm  Chiều rộng : 9 cm  Diện tích : … cm?  ? Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?  ? Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta làm thế nào?  **-** Nhận xét, chữa bài.  **3. Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét giờ học | * HS đọc đề * Viết số thích hợp vào ô trống.  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | CD | CR | DTHCN | CVHCN | | 25cm | 4cm | *25x4****=****100(cm)* | *(25 + 4) x 2=*  *58(cm)* | | 30cm | 8cm | *30x8=240(cm)* | ***(****30+8)x2=76(cm)* | | 48cm | 7cm | *48x7=336(cm)* | ***(****48+7)x2=110(cm)* |   - 1 HS đọc đề bài.  - 1 HS lên bảng. Cả lớp làm vào vở.  Bài giải  Diện tích bìa ngoài của quyển sổ là:  15 x 9 = 135( cm)  Đáp số: 135 cm. |

**Tuần 32 ( Từ 19/4 - 23/4/2021)**

**Toán**: **LUYỆN TẬP / 162**

**I. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Biết nhân số có năm chữ số với số có một chữ số..

- Biết tính Biết,tính giá trị của biểu thức,

- GD HS tính cẩn thận và tính chính xác..

**II.Đồ dùng dạy học:** bảng con, bảng phụ, bảng bút giấy braille, sách chữ nổi

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Kiểm tra bài cũ:**Đặt tính rồi tính:  10 921 x 4 31 070 x 3  -GV nhận xét, tuyên dương  **B. Dạy bài mới:**  **1. Giới thiệu bài, kết hợp ngôn ngữ kí hiệu:**GT và ghi bảng đề bài  **2. Hướng dẫn thực hành:**  **Bài 1:** Đặt tính rồi tính: **( Bảng con).**  a)21718 x 4 b) 18061 x 5  c) 12198 x 4 d) 10670 x 6  -HD HS nhận xét và nêu lại cách tính.  **Bài 2: Tóm tắt: ( Vở)**  63150 *l*  Có . . . . .  Lấy 10715 *l* ? *l*  -HD HS tìm hiểu đề và tóm tắt, giải .  - GV nhận xét  **Bài 3:**Tính giá trị của biểu thức **(N : 2)**  - Bài yêu cầu gì ?  - HD HS thứ tự thực hiện biểu thức.  - Nhận xét và tuyên dương.  **3. Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học  -Về nhà xem lại các bài tập đã giải. | - 2 HS lên bảng tính;  - Cả lớp làm trên bảng con  -2em đọc đề bài.  -2 HS lên bảng tính;lớp tính bảng con.  - 2 HS đọc đề bài, lớp đọc thầm theo.  -1HS lên tóm tắt và giải, lớp làm vở  -1em nêu yêu cầu.  -Các nhóm thảo luận.  -Đại diện các nhóm trình bày.  -HS nhận xét. |

**Tuần 33 :( Từ 26/4 - 30/4/2021)**

**TOÁN: LUYỆN TẬP/ 167**

**I. Mục tiêu:**

- Rèn kỹ năng tính giá trị của biểu thức và giải bài toán có liên quan đến việc rút về đơn vị***.***

- GDHS tính chính xác khi làm bài.

**II.Đồ dùng dạy học:** bảng con, bảng nhóm, vở bài tập, bảng bút giấy braille, sách chữ nổi

**III.Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | Hoạt động của học sinh |
| 1. **Ổn định lớp** 2. **Luyện tập**   **Bài 1: Tóm tắt:**  16kg: 8 hộp  10kg: ...hộp?  - Gọi HS đọc đề bài  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  -Gọi 1 HS lên bảng. Cả lớp làm vào vở.  - Nhận xét  **Bài 2: Tóm tắt:**  20 cái: 5 phòng  24 cái: ... phòng?  - Gọi HS đọc đề bài  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  -Gọi 1 HS lên bảng. Cả lớp làm vào vở.  - Nhận xét  **Bài 3: Điền Đ,** S  **-**Gọi hs đọc đề  - Gọi hs làm bài bảng phụ, dưới lớp làm vào vở bài tập  - GV nhận xét, tuyên dương  **3. Củng cố dặn dò:**  - GV nhận xét tiết học | - 1 HS đọc đề bài.  - 1 hs bảng, dưới lớp làm vào vở bài tập .  - 1 HS đọc đề bài.  - 1 hs bảng, dưới lớp làm vào vở bài tập .  - HS đọ đề  - 4 hs làm bảng |

**Tuần 34** ( Từ 2/5 - 6/5/2021)

**ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC**

**I. Mục tiêu**: Giúp HS

- Xác định được góc vuông, trung điểm của đoạn thẳng.

- Tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông.

- Giáo dục học sinh tính cẩn thận khi làm bài.

**II.Đồ dùng dạy học:** bảng nhóm, bảng con. bảng bút giấy braille, sách chữ nổi

**III. Hoạt động dạy học** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Kiểm tra bài cũ** : 9m 6cm = ?cm,  940cm = ? m ? cm  -Nhận xét và tuyên dương  **B. Dạy bài mới** :  **1.Giới thiệu bài, kết hợp ngôn ngữ ,kí hiệu:** GT và ghi bảng  " Ôn tập về hình học "  **2.Hướng dẫn bài :**  **BT 1** : Trong hình bên:  **(bảng)**  a)Có mấy góc vuông ? Nêu tên đỉnh và cạnh của mỗi góc vuông đó.  b)Trung điểm đoạn thẳng AB là điểm nào ? Trung điểm đoạn thẳng ED là điểm nào ?  c)Xác định trung điểm đoạn thẳng AE và đoạn thẳng MN (tô đậm các trung điểm đó trên hình vẽ).  - Yêu cầu HS đo rồi ghi tên góc vuông.  - Nhận xét. .  **BT 2** : Tóm tắt: **(nhóm )**  Hình tam giác : cạnh :35cm; 26cm; 40cm  Tính chi vi : ? cm  +Bài toán cho biết gì ? +Bài toán hỏi gì ?  -Nhận xét và tuyên dương.  **BT3:** Tóm tắt:  **(vở)**  Chiều dài : 125cm  Chiều rộng : 68cm  Chu vi : ? cm  +Bài toán cho biết gì ? Bài toán hỏi gì ?  -Yêu cầu vài em nêu cách tính !  - Nhận xét.  **3.Củng cố - Dặn dò:**  - Nhận xét tiết học .  - về ôn lại các bài tập đã học để chuẩn bị thi. | -2em lên bảng; lớp làm bảng con.  -3em đọc đề bài.  + 1 em nêu yêu cầu.  - HS lên bảng làm miệng;lớp làm bảng con.  - Vài HS đọc kết quả.  - Lớp nhận xét  - Chữa bài .  +1 HS nêu yêu cầu.  -Các nhóm thảo luận.  -Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  \*Chu vi tam giác là :  35 + 26 + 40 = 101(cm)  Đáp số : 101 cm  +1em đọc đề bài.  -1em làm bảng; lớp làm vở.  Giải:  Chu vi hình chữ nhật là :  (125 + 68) x 2 = 386 (cm)  Đáp số : 386 cm  - lắng nghe. |

**Tuần 35** ( Từ 9/5 - 14/5/ 2021)

**ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu**: Giúp HS

- Củng cố về số liền trước, số liền sau và giải toán có lời văn

- Giáo dục học sinh tính cẩn thận khi làm bài.

**II.Đồ dùng dạy học:** bảng nhóm, bảng con, bảng bút giấy braille, sách chữ nổi.

**III. Hoạt động dạy học** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Ổn định lớp**  **2. Luyện tập :**  **BT 1** : Viết số thích hợp vào chôc trống  - Yêu cầu hs đọc đề  - Gọi 3 hs lên bảng làm, lớp làm vào vở bài tập  - Nhận xét. .  **BT 2** : **Đặt tính rồi tính**  - Yêu cầu hs đọc đề  - HS làm vào vở  - GV chấm một số vở  -Nhận xét và tuyên dương.  **BT3:** Tìm x:  **(vở)**  - Yêu cầu hs đọc đề  - 2 HS lên bảng làm, lớp làm vào vở  -Yêu cầu vài em nêu cách tính !  -Chấm và nhận xét.  **BT4:** Tóm tắt: **(Trò chơi"Ai nhanh hơn"**  Chiều dài : 60cm  Chiều rộng : 40cm  +bài toán cho biết gì ? Bài toán hỏi gì ?  -GT cách chơi và luật chơi.  -Chia lớp thành 4 đội, mỗi đội 1em lên tham gia chơi.  -Nhận xét tuyên dương.  **3.Củng cố - Dặn dò:**  - Nhận xét tiết học .  - về ôn lại các bài tập đã học để chuẩn bị thi. | -3 hs lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở bài tập  - 1 em nêu yêu cầu.  - HS làm vào vở  +1 HS nêu yêu cầu.  - 2 hs làm bài bảng, lớp làm vào bảng con  +1em đọc đề bài.  -1em làm bảng; lớp làm vở.  +1em đọc đề bài.  -HS lên tham gia chơi.  - Lắng nghe. |